

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 469/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Nguyễn Thị Thùy M

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1969 (xin vắng);

Trú tại: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Trú tại: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Hữu Q tự nguyện cưới nhau vào năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/12/1989. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp nên thường xuyên cãi nhau, ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo làm kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con. Bà Đ và ông Q nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài. Bà Đ và ông Q đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu ly hôn

ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/12/1989 và Nguyễn Thị Thùy M, sinh ngày 05/01/1992, hiện đã trưởng thành, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” Đ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Hữu Q theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đ, ông Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc được ly hôn ông Nguyễn Hữu Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Hữu Q là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, bà Đ trình bày, bà Đ và ông Q tự nguyện cưới nhau vào năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/12/1989. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp nên thường xuyên cãi nhau, ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo làm kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con. Bà Đ và ông Q nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài. Bà Đ và ông Q đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu ly hôn ông Q.

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hữu Q nhưng ông Q không có ý kiến gì đối với yêu cầu được ly hôn của bà Đ và vắng mặt tại phiên tòa không lý do, cho thấy ông Q không có thành ý hàn gắn tình cảm giữa ông bà. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì xem như ông Q không có phản đối gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ;

Vì thế Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà Đ và ông Q không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Đ.

[2.2] Về con chung: Bà Đ trình bày có 02 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/12/1989 và Nguyễn Thị Thùy M, sinh ngày 05/01/1992, hiện đã trưởng thành, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[2.3] Về tài sản chung: Bà Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/12/1989 và Nguyễn Thị Thùy M, sinh ngày 05/01/1992, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024883 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên xem như bà Đ đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lĩnh